



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực **17.898** Quyển số -SCT/BS

Ngày 06 tháng 05 năm 2020

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN NGHÉ**



**Tạ Hoàng Sự**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 17 tháng 7 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 7 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Dr Nguyễn Đăng Quang  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Woncheol Park

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2019)

Ông Nguyễn Đoàn Hùng

Thành viên  
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2019)

Ông David Tan Wei Ming

Thành viên  
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2019)

Ông Lars Kjaer

Thành viên  
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2019)

Ông Dominic Edward Salter Price

Thành viên  
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2019)

**Ban Tổng Giám đốc**

Dr Nguyễn Đăng Quang  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Michael Hung Nguyen  
Ông Nguyễn Anh Nguyễn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Đại diện pháp lý**

Dr Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch  
Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc phải:


- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

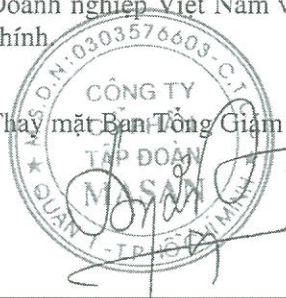
Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

## PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Dr Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2020





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11-21 01-11-2020





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00258-20-3



Hà Vũ Định  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>6.298.040.740.461</b>	<b>4.577.655.260.097</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>476.294.341.206</b>	<b>681.197.208.270</b>
Tiền	111		2.294.341.206	1.197.208.270
Các khoản tương đương tiền	112		474.000.000.000	680.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.571.530.000.000</b>	<b>1.524.338.390.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	1.571.530.000.000	1.499.990.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	-	24.348.390.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>4.240.471.948.527</b>	<b>2.363.413.470.974</b>
Phải thu của khách hàng	131		-	11.879.382.264
Trả trước cho người bán	132		3.190.000	330.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.240.468.758.527	2.351.204.088.710
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.744.450.728</b>	<b>8.706.190.853</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.886.804.618	848.544.743
Thuế phải thu Nhà nước	153	7	7.857.646.110	7.857.646.110
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>34.830.897.210.144</b>	<b>22.793.654.397.661</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>6</b>	<b>1.295.858.846.565</b>	<b>4.020.557.774.958</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		150.656.000.000	2.800.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.145.202.846.565	1.220.557.774.958
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.528.397.295</b>	<b>10.825.312.617</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.528.397.295	10.774.250.102
Nguyên giá	222		37.161.890.309	35.402.523.245
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.633.493.014)	(24.628.273.143)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	51.062.515
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.646.060.388)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>696.685.231</b>	<b>553.352.503</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		696.685.231	553.352.503
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>33.524.347.299.991</b>	<b>18.761.352.942.046</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	29.145.510.222.355	14.382.515.864.410
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	5(d)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>465.981.062</b>	<b>365.015.537</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		465.981.062	365.015.537
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>41.128.937.950.605</b>	<b>27.371.309.657.758</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

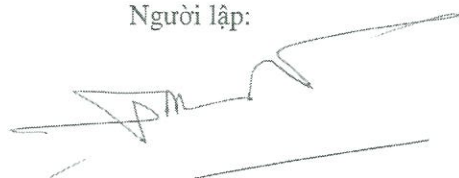
**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>15.480.242.870.484</b>	<b>3.130.547.276.519</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.995.566.205.907</b>	<b>3.130.547.276.519</b>
Phải trả người bán	311		3.063.940.380	-
Chi phí phải trả	315	10	151.290.455.298	115.286.104.269
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	12.841.211.810.229	25.261.172.250
Vay và trái phiếu ngắn hạn	320	12	1.000.000.000.000	2.990.000.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.484.676.664.577</b>	<b>-</b>
Trái phiếu dài hạn	338	12	1.484.676.664.577	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>25.648.695.080.121</b>	<b>24.240.762.381.239</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>25.648.695.080.121</b>	<b>24.240.762.381.239</b>
Vốn cổ phần	411	14	11.689.464.470.000	11.631.495.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	11.084.356.541.079	11.084.416.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.570.212.251.610	3.220.188.542.728
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.220.188.542.728	1.383.417.646.444
- Lợi nhuận thuần trong năm	421b		1.350.023.708.882	1.836.770.896.284
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>41.128.937.950.605</b>	<b>27.371.309.657.758</b>

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
 Đoàn Thị Mỹ Duyên  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Michael Hung Nguyen  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Giám đốc Tài chính

  
  
 Dr Nguyễn Đăng Quang  
 Chủ tịch  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

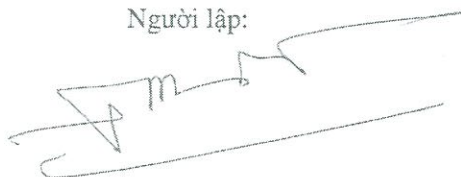
**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.826.702.478.751	2.917.671.764.327
Chi phí tài chính	22	18	251.905.894.617	877.137.151.975
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		237.099.657.535	782.069.304.795
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	224.772.875.252	203.763.716.068
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>1.350.023.708.882</b>	<b>1.836.770.896.284</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)</b>	<b>50</b>		<b>1.350.023.708.882</b>	<b>1.836.770.896.284</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.350.023.708.882</b>	<b>1.836.770.896.284</b>

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:

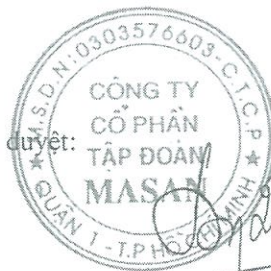


Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính




Dr Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.350.023.708.882</b>	<b>1.836.770.896.284</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		3.056.282.386	1.912.661.315
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.126.320)	(246.554.746)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.822.544.303.821)	(2.915.754.994.872)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		247.810.869.846	854.632.638.128
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(221.658.569.027)</b>	<b>(222.685.353.891)</b>
Tăng các khoản phải thu và tài sản khác	09		(99.972.380.654)	(6.148.235.240)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		23.120.704.227	(6.900.312.907)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.139.225.400)	43.947.007.771
Tăng chứng khoán kinh doanh	13		(71.540.000.000)	(1.499.990.000.000)
			<b>(371.189.470.854)</b>	<b>(1.691.776.894.267)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(281.955.000.000)	(853.077.222.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(653.144.470.854)</b>	<b>(2.544.854.116.489)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.721.193.184)	(8.401.709.292)
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(740.656.000.000)	(2.889.348.390.000)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		3.414.348.390.000	109.210.730.000
Tiền chi đầu tư	25		(3.950.030.223.282)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		209.430.000.000	379.736.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay và cổ tức	27		1.961.956.513.936	1.502.962.662.856
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>890.327.487.470</b>	<b>(905.840.706.436)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

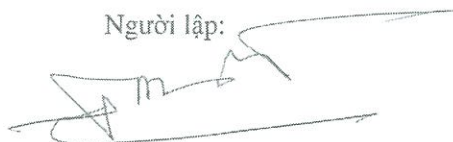
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và phát hành lại cổ phiếu quỹ	31		57.908.990.000	10.799.109.769.019
Tiền thu từ đi vay và trái phiếu	33		2.500.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(3.000.000.000.000)	(6.796.425.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(17.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(442.091.010.000)</b>	<b>4.002.667.369.019</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(204.907.993.384)</b>	<b>551.972.546.094</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>681.197.208.270</b>	<b>129.224.525.040</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>5.126.320</b>	<b>137.136</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>476.294.341.206</b>	<b>681.197.208.270</b>

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính




Dr Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### 1. Đơn vị báo cáo

##### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

##### (c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 48 nhân viên (1/1/2019: 35 nhân viên).

#### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

##### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

##### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phát triển phần mềm vi tính chưa được hoàn tất. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển.

**(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Trái phiếu phát hành**

*Trái phiếu thường*

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(j) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

**(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu và cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(o) Chi trả bằng cổ phần**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo mệnh giá được ghi nhận theo mệnh giá.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	2.229.514.503	1.132.381.567
Các khoản tương đương tiền	474.000.000.000	680.000.000.000
	476.294.341.206	681.197.208.270

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

**5. Đầu tư**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Chứng khoán kinh doanh (a)	1.571.530.000.000	1.499.990.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	-	24.348.390.000
	1.571.530.000.000	1.524.338.390.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào các công ty con (c)	29.145.510.222.355	14.382.515.864.410
Đầu tư vào một công ty liên kết (d)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
	33.524.347.299.991	18.761.352.942.046

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh	31/12/2019		1/1/2019					
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan, một công ty con sở hữu gián tiếp	7.500.000	750.000.000.000	(*)	-	14.999.900	1.499.990.000.000	(*)	-
Trái phiếu của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp	5.000.000	500.000.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
Trái phiếu khác	32.153	321.530.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
		1.571.530.000.000	(*)	-		1.499.990.000.000	(*)	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi số.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh như sau:

	Trái phiếu của Công ty phần Tài nguyên Masan		Trái phiếu của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo		Trái phiếu khác VND	Tổng VND
	VND	VND	VND	VND		
Số dư đầu năm	1.499.990.000.000	-	-	-	-	1.499.990.000.000
Tăng trong năm	750.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	976.240.500.000	976.240.500.000	2.726.240.500.000
Thanh lý	(1.499.990.000.000)	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)	(654.710.500.000)	(654.710.500.000)	(2.654.700.500.000)
Số dư cuối năm	750.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	321.530.000.000	321.530.000.000	1.571.530.000.000

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/12/2019				1/1/2019					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings ("MCH")	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(***)	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(***)
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan ("MH")	99,9%	99,9%	13.737.200.000.000	-	(***)	99,9%	99,9%	11.950.000.000.000	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science) ("MML") (*)	79,3%	79,3%	2.030.991.202.463	-	16.978.379.154.000	80,8%	80,8%	1.915.915.864.410	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM ("VCM") (**)	83,7%	83,7%	12.860.719.019.892	-	(***)	-	-	-	-	(***)
			29.145.510.222.355	-	(***)			14.382.515.864.410	-	(***)

(\*) Trong năm, Công ty đã mua 0,4% và bán 1,9% lợi ích trong MML.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*) Công ty đã nhận được 83,7% tổng số cổ phần đang lưu hành của VCM từ người bán và đồng thời phát hành một quyền chọn cho người bán để nhận được 30,0% cổ phần trong một công ty mới. Công ty này sẽ là một công ty con của Công ty, và sẽ nắm giữ cổ phần/vốn góp và kiểm soát VCM và MCH.

(\*\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào MML được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết.

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MCH VND	MH VND	MML VND	VCN VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	516.600.000.000	11.950.000.000.000	1.915.915.864.410	-	14.382.515.864.410
Tăng trong năm	-	1.787.200.000.000	162.830.223.282	12.860.719.019.892	14.810.749.243.174
Thanh lý	-	-	(47.754.885.229)	-	(47.754.885.229)
Số dư cuối năm	516.600.000.000	13.737.200.000.000	2.030.991.202.463	12.860.719.019.892	29.145.510.222.355

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đầu tư vào một công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	% sở hữu trên vốn cổ phần	% quyền biểu quyết trên vốn cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	15,0%	15,0%	4.378.837.077,636	-
			12.347.630.001,450	13.553.555.649,150

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	2.250.034.500.000	34.500.000
Phải thu từ các bên liên quan (**)	1.983.421.983.658	2.332.562.237.382
Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu phải thu	6.138.462.464	18.101.111.841
Phải thu khác	873.812.405	506.239.487
	4.240.468.758.527	2.351.204.088.710

(\*) Trong ký quỹ, ký cược ngắn hạn bao gồm 2.000.000 triệu VND liên quan đến khoản đặt cọc cho các bên thứ ba với mục đích đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 1.124.124 triệu VND (1/1/2019: 1.124.124 triệu VND trong phải thu dài hạn khác) liên quan đến lãi phải thu của các khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của các khoản cho vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2020. Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã thu được 880.000 triệu VND từ công ty con này;
- 839.000 triệu VND (1/1/2019: 883.046 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản cho vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2020;
- 17.480 triệu VND (1/1/2019: 17.260 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của trái phiếu phát hành bởi các công ty con; và
- Khoản phải thu phi thương mại với số tiền là 2.818 triệu VND (1/1/2019: không).

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu từ một bên liên quan (*)	150.656.000.000	2.800.000.000.000
	150.656.000.000	2.800.000.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ các bên liên quan (*)	1.142.276.852.205	1.217.631.780.598
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.925.994.360	2.925.994.360
	1.145.202.846.565	1.220.557.774.958

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 1.063.336 triệu VND (1/1/2019: 1.063.336 triệu VND trong phải thu ngắn hạn khác) liên quan đến phải thu phi thương mại từ việc thanh lý 4.891.000 trái phiếu chuyển đổi của một công ty liên kết cho một công ty con. Khoản này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2022;
- 68.576 triệu VND (1/1/2019: 68.576 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản cho vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 11 năm 2021;
- 9.935 triệu VND (1/1/2019: 24.932 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con với số dư nợ gốc là 2.800.000 triệu VND, số dư nợ gốc của khoản cho vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2023; và
- 430 triệu VND (1/1/2019: không) liên quan đến khoản lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con với số dư nợ gốc là 150.656 triệu VND (1/1/2019: không). Khoản cho vay này đáo hạn vào tháng 12 năm 2022 và hưởng lãi suất năm là 6,5%.

**7. Thuế phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398.015.743	398.015.743
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.459.630.367	7.459.630.367
	7.857.646.110	7.857.646.110

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	27.701.486.269	7.701.036.976	35.402.523.245
Tăng trong năm	177.520.600	1.581.846.464	1.759.367.064
Số dư cuối năm	27.879.006.869	9.282.883.440	37.161.890.309
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	18.584.635.413	6.043.637.730	24.628.273.143
Khấu hao trong năm	2.515.345.936	489.873.935	3.005.219.871
Số dư cuối năm	21.099.981.349	6.533.511.665	27.633.493.014
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	9.116.850.856	1.657.399.246	10.774.250.102
Số dư cuối năm	6.779.025.520	2.749.371.775	9.528.397.295

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 21.054 triệu VND (1/1/2019: 20.907 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	4.697.122.903
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	4.646.060.388
Khấu hao trong năm	51.062.515
Số dư cuối năm	4.697.122.903
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	51.062.515
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 4.697 triệu VND (1/1/2019: 4.532 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Chi phí lãi vay	40.224.657.535	77.250.000.000
Phí dịch vụ	58.269.755.859	8.266.127.928
Chi phí khác	52.796.041.904	29.769.976.341
	<b>151.290.455.298</b>	<b>115.286.104.269</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho việc phát hành quyền chọn trong công ty mới liên quan đến khoản đầu tư trong VCM	12.841.200.000.000	-
Cổ tức phải trả	11.130.000	11.130.000
Phải trả khác	680.229	25.250.042.250
	12.841.211.810.229	25.261.172.250

**12. Vay và trái phiếu**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay và trái phiếu ngắn hạn (*)</b>		
Vay ngắn hạn	1.000.000.000.000	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	2.990.000.000.000
	1.000.000.000.000	2.990.000.000.000
<b>Trái phiếu dài hạn (**)</b>		
Trái phiếu dài hạn	1.484.676.664.577	2.990.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(2.990.000.000.000)
	1.484.676.664.577	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(\*) Vay và trái phiếu ngắn hạn**

	1/1/2019		Biến động trong năm		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn		- 1.000.000.000.000				- 1.000.000.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	2.990.000.000.000			(2.990.000.000.000)		-
	<u>2.990.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>(2.990.000.000.000)</u>		<u>1.000.000.000.000</u>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp	VND	8,2%	1.000.000.000.000	-

**(\*\*) Trái phiếu dài hạn**

Trái phiếu của Công ty bao gồm 1.500 tỷ VND (1/1/2019: 3.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn là 3 năm và chịu lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,2% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản đối với các trái phiếu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, công ty liên kết của Công ty sở hữu 23.260 triệu VND (1/1/2019: 38.492 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	11.573.739.740.000	6.855.539.345.096	(1.695.338.182.568)	(6.518.087.064.615)	1.383.417.646.444	11.599.271.484.357
Phát hành cổ phiếu	57.755.740.000	(50.000.000)	-	-	-	57.705.740.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	4.228.927.195.983	-	6.518.087.064.615	-	10.747.014.260.598
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.836.770.896.284	1.836.770.896.284
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	11.631.495.480.000	11.084.416.541.079	(1.695.338.182.568)	-	3.220.188.542.728	24.240.762.381.239
Phát hành cổ phiếu	57.968.990.000	(60.000.000)	-	-	-	57.908.990.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.350.023.708.882	1.350.023.708.882
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	-	4.570.212.251.610	25.648.695.080.121

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.163.149.548	11.631.495.480.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.163.149.548	11.631.495.480.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		- 11.084.356.541.079		- 11.084.416.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác này hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản cổ tức và phân phối khác mà Công ty đã trả, và sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

	2019		2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	1.163.149.548	11.631.495.480.000	1.157.373.974	11.573.739.740.000
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền	5.796.899	57.968.990.000	5.775.574	57.755.740.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.168.946.447</b>	<b>11.689.464.470.000</b>	<b>1.163.149.548</b>	<b>11.631.495.480.000</b>

## 15. Chi trả bằng cổ phần

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phần dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phần trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2019, Công ty đã phát hành 5.796.899 cổ phần cho nhân viên theo mệnh giá bằng tiền.

## 16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### (a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	14.006.836.080	11.078.876.480
Trong vòng hai đến năm năm	13.189.412.200	7.524.610.520
	<b>27.196.248.280</b>	<b>18.603.487.000</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Ngoại tệ**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	273	6.297.475	286	6.611.098

**17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	1.320.000.000.000	2.455.573.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu	197.482.632.271	92.607.637.424
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	132.117.485.590	24.931.506.850
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên khác vay	11.269.071.189	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	165.770.107.044	344.236.013.814
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.182.657	323.606.239
	<b>1.826.702.478.751</b>	<b>2.917.671.764.327</b>

**18. Chi phí tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay/trái phiếu từ:		
• Trái chủ và các bên khác	236.875.000.001	772.391.250.000
• Các công ty con	224.657.534	9.678.054.795
Chi phí phát hành trái phiếu	10.711.212.311	72.563.333.333
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.498	20.137.048.358
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	4.094.992.273	1.593.163.216
Chi phí khác	-	774.302.273
	<b>251.905.894.617</b>	<b>877.137.151.975</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.056.282.386	1.912.661.315
Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	221.716.592.866	201.851.054.753
	224.772.875.252	203.763.716.068

**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

		<b>2019</b>		<b>2018</b>
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100%	1.350.023.708.882	100%	1.836.770.896.284
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20%	270.004.741.776	20%	367.354.179.257
Thu nhập không chịu thuế	(20%)	(264.000.000.000)	(27%)	(491.114.600.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	2.501.351.159	-	89.358.358
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(662.391.336)	7%	123.671.062.385
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(7.843.701.599)	-	-
	-	-	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2019 VND	2018 VND
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>			
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Thu nhập cổ tức	1.320.000.000.000	1.320.000.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	-	2.800.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu	2.800.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	131.688.219.179	24.931.506.850
Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science)	Thu nhập cổ tức	-	1.135.573.000.000
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	Góp vốn	1.787.200.000.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	150.656.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	429.266.411	-
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Thu nhập lãi trái phiếu	103.892.049.506	16.027.323.287
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Chia sẻ chi phí công nghệ thông tin	3.722.084.981	4.996.948.188
	Mua hàng	177.451.344	22.526.304
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Khoản vay nhận được	1.000.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay	224.657.534	-
	Thu nhập lãi trái phiếu	43.030.134.385	-
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Chi phí lãi vay	-	9.678.054.795
	Cán trừ cổ tức phải thu với khoản vay phải trả	-	937.000.000.000
	Cán trừ cổ tức phải thu với chi phí lãi vay phải trả	-	82.918.630.139



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2019 VND	2018 VND
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Techcombank và các công ty con	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành)	1.500.000.000.000	-
	Trái phiếu mua lại (đại lý thanh toán)	3.000.000.000.000	-
	Mua chứng khoán kinh doanh	2.004.710.500.000	2.016.733.635.616
	Bán chứng khoán kinh doanh	754.710.500.000	504.273.800.000
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt	15.160.674.736	14.569.029.368

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

**22. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2019 VND	2018 VND
Cần trừ cổ tức phải thu với khoản vay phải trả cho một công ty con	-	937.000.000.000
Cần trừ cổ tức phải thu với chi phí lãi vay phải trả cho một công ty con	-	82.918.630.139

**23. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, Công ty đã phát hành 3.000 tỷ VND trái phiếu có thời gian đáo hạn là 3 năm và chịu lãi suất năm là 9,3% trong năm đầu tiên và biên độ 2,5% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.

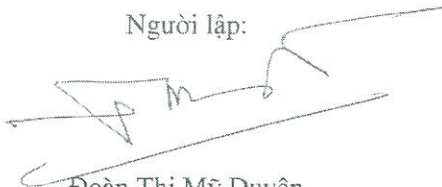
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:


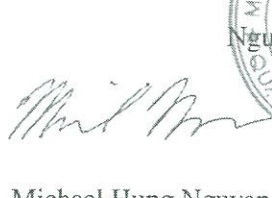


Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính



Người duyệt:



Dr Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch  
Tổng Giám đốc







